

Ngày 27/08/2026



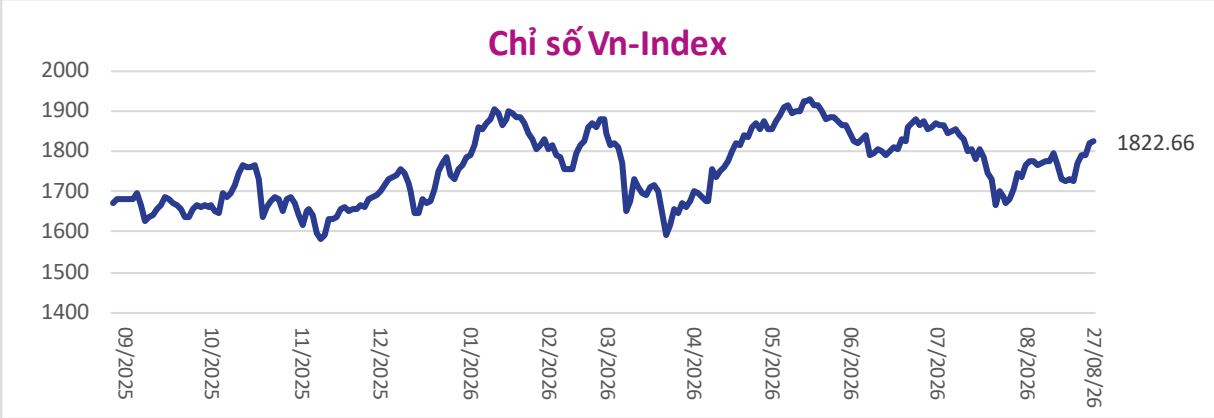
TOÀN CẢNH THỊ TRƯỜNG

GIỮA PHIÊN



Tổng quan thị trường

1822.66 1.34 0.07%

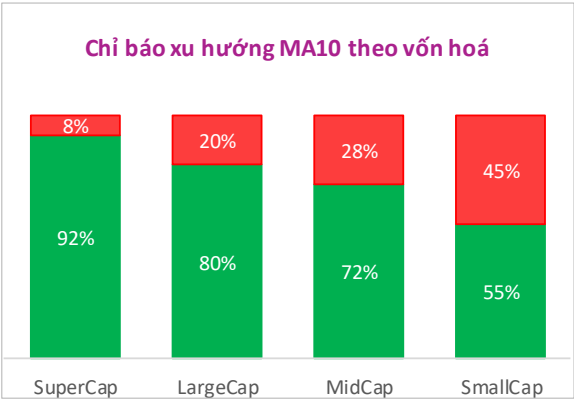


Phiên giao dịch sáng ngày 27/08/2026, chỉ số Vn-Index đang không có sự thay đổi đáng kể, tuy nhiên số lượng mã giảm đang chiếm ưu thế. So với phiên giao dịch ngày hôm trước, Vn-Index tăng 1,34 điểm, và đang vận động trên đường trung bình 10 ngày. Trong số các mã cổ phiếu trụ có vốn hoá lớn nhất trong Vn-Index, một số mã cổ phiếu đang có mức tăng giá mạnh là: TCB(+1,5%), VPB(+1,3%), trong khi đó mã cổ phiếu đang có mức giảm giá mạnh là: GVR(-1,2%).

Trong tháng 8/2026, khối ngoại tiếp tục đà bán ròng cổ phiếu với tổng giá trị là -2.142 tỷ đồng. Lũy kế từ đầu năm 2026 đến nay, khối ngoại đã bán ròng với tổng giá trị là -94.365 tỷ đồng. Trong phiên giao dịch sáng nay, khối ngoại đang mua ròng 4 tỷ đồng.

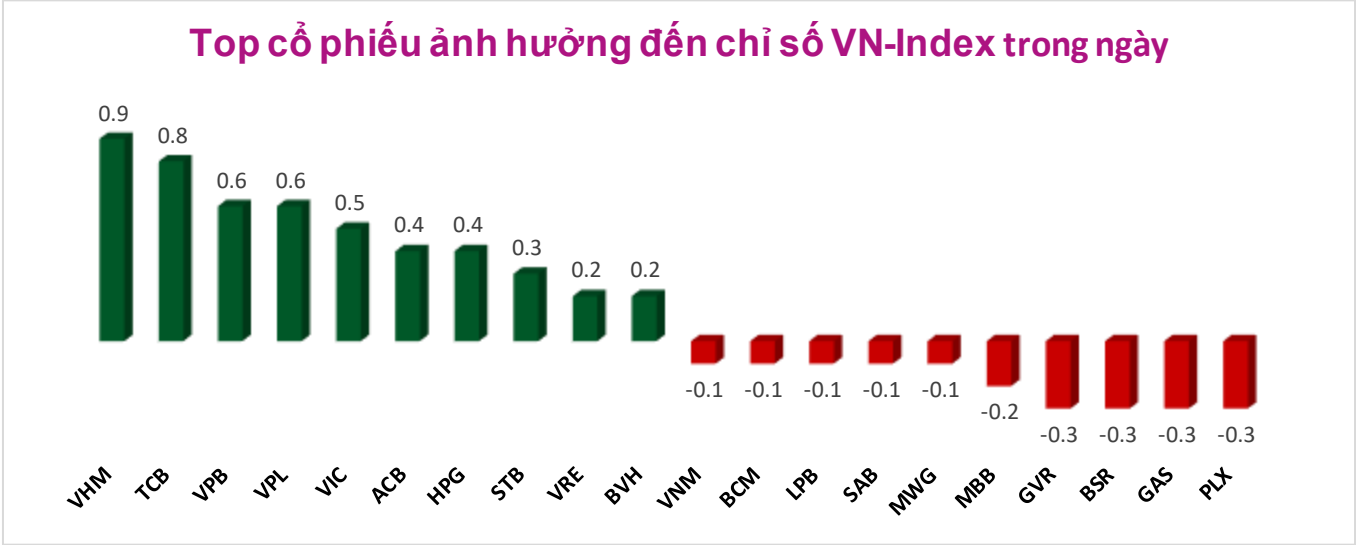
Chỉ báo xu hướng ngắn hạn

Chỉ báo xu hướng MA10 theo ngành		
Ngân hàng ↑	Bất động sản	Chứng khoán ↑
Thép ↑	Phân bón ↑	Công nghệ ↑
Dầu khí ↑	Khu CN ↑	Thủy sản ↑
Bảo hiểm ↓	Xây dựng ↑	Cảng biển ↑
Mía đường ↑	Bán lẻ ↑	Dệt may ↑

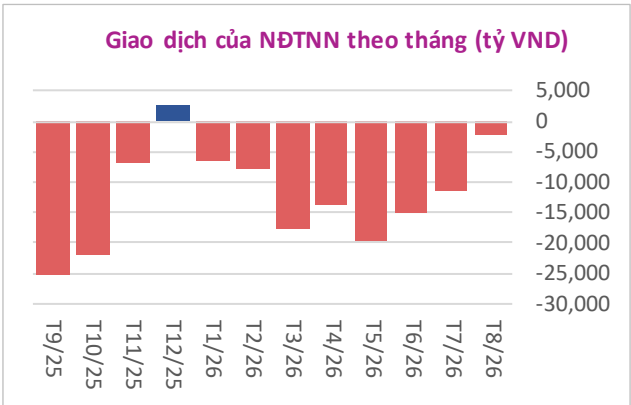
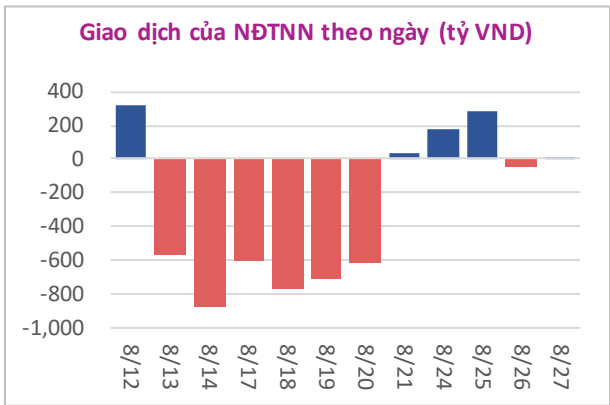


TOÀN CẢNH THỊ TRƯỜNG

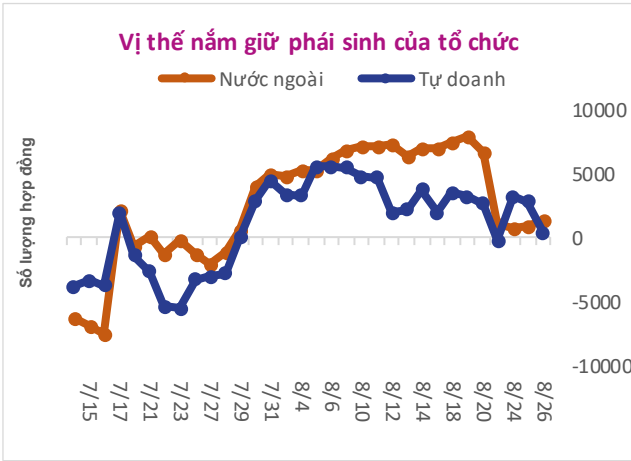
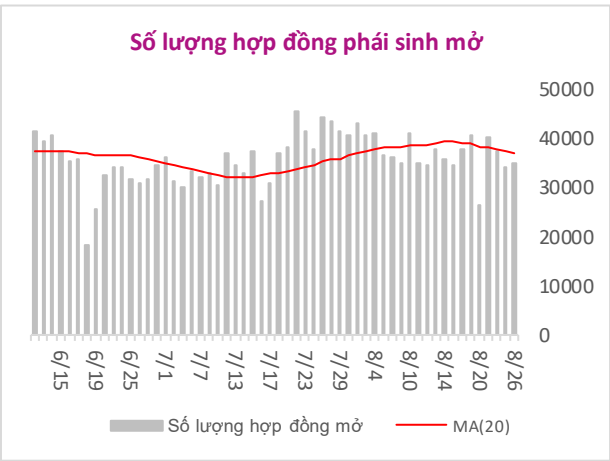
Nhóm dẫn dắt thị trường



Giao dịch của nhà đầu tư nước ngoài

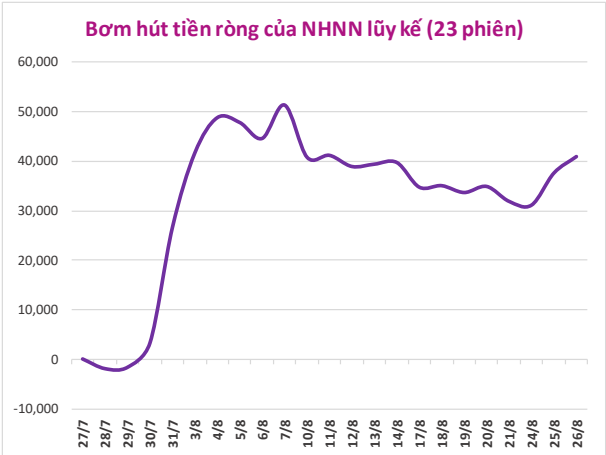
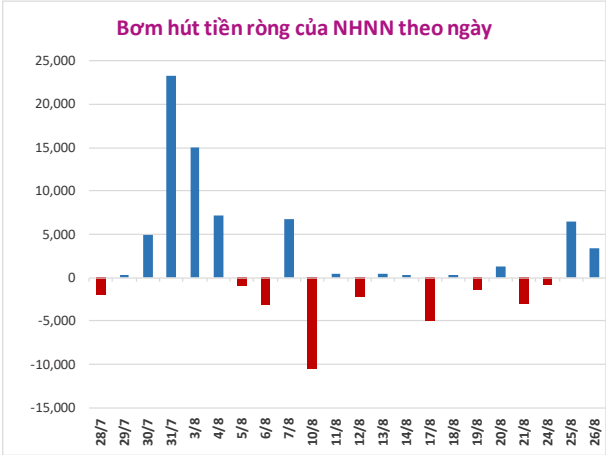


Thị trường phái sinh VN30



Ghi chú: số âm = hợp đồng short phái sinh

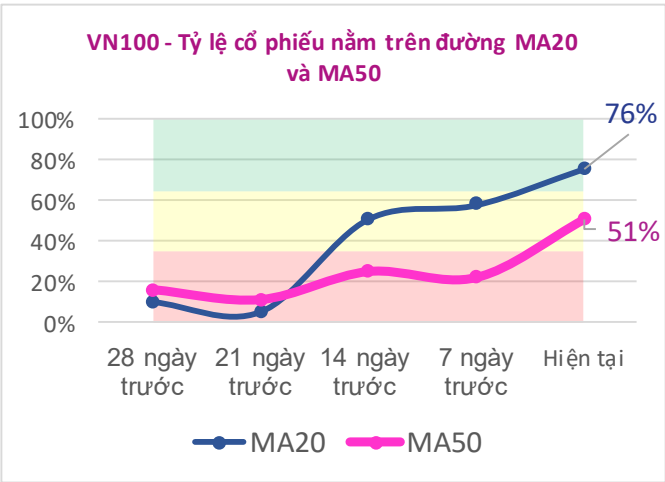
TOÀN CẢNH THỊ TRƯỜNG



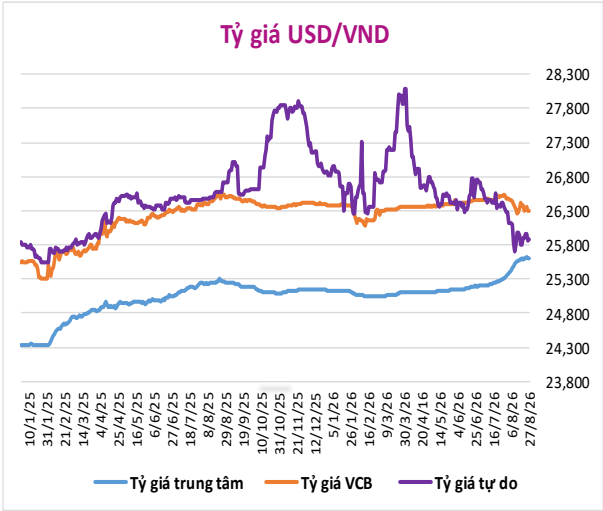
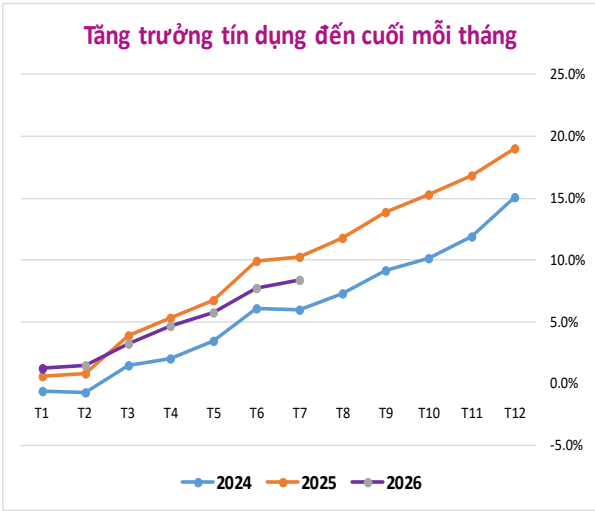
Các mã cổ phiếu ảnh hưởng đến VnIndex 5 ngày gần nhất

VIC (+35.2)	PNJ (+6.4)	VPI (+6.1)	SJS (+6.0)	VHM (+5.7)
BCM (+4.0)	VJC (+3.9)	TCB (+3.7)	FPT (+3.5)	DGC (+3.2)
MWG (+3.1)	VCB (+3.1)	GMD (+3.0)	VPB (+2.7)	SSI (+2.6)
VCI (+2.6)	VRE (+2.4)	IMP (+2.2)	PLX (-2.3)	BVH (-3.0)

Tỷ lệ cổ phiếu nằm trên đường MA20 và MA50



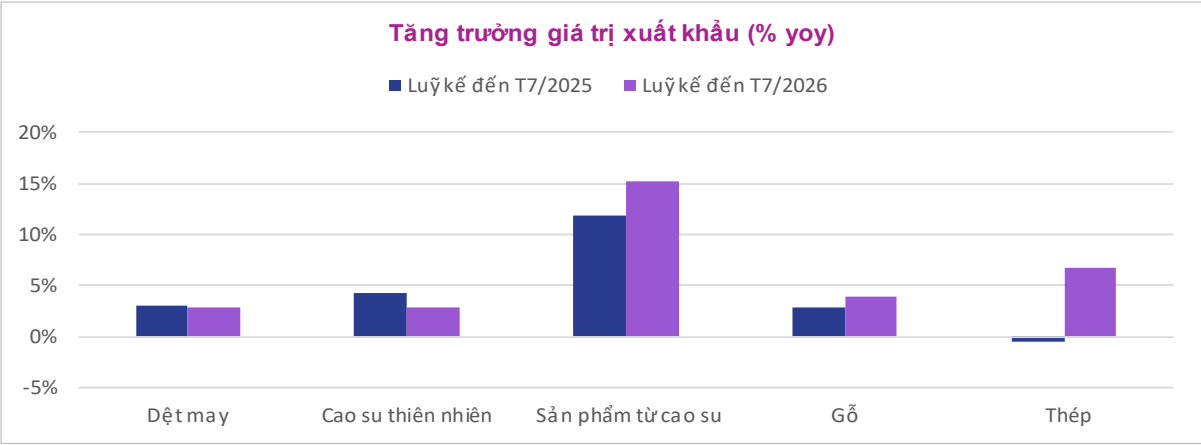
Tăng trưởng tín dụng và tỷ giá



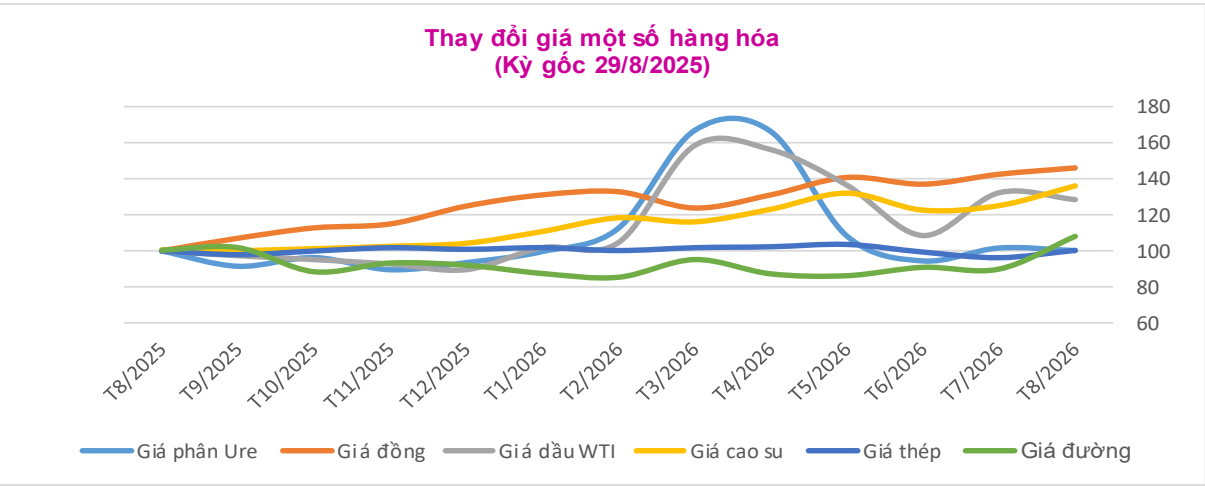
Chỉ tiêu vĩ mô Việt Nam

Chỉ tiêu	05/2026	06/2026	07/2026	Nhận xét
Chỉ số PMI	52.8	51.8	52.9	PMI duy trì tích cực trên 50 điểm, tháng 7 đạt mức cao nhất của năm tháng gần nhất
Sản xuất công nghiệp (YoY)	10.1%	12.7%	14.5%	Duy trì tăng trưởng tích cực và ổn định trong nhiều tháng liên tiếp; tháng 7 đạt cao nhất sáu tháng
Tổng mức bán lẻ hàng hoá (YoY)	11.8%	14.8%	14.5%	Duy trì tăng trưởng ổn định nhiều tháng liên tiếp; tháng 7 tiếp tục tăng trưởng trên 14%
Kim ngạch xuất khẩu (YoY)	18.0%	28.1%	25.5%	Tiếp tục duy trì tăng trưởng ở mức cao
Kim ngạch nhập khẩu (YoY)	33.8%	45.7%	41.7%	Duy trì tăng trưởng cao; tháng 7 tiếp tục trên 40%, nhưng nhập siêu tháng thứ tám liên tiếp
Tỷ lệ lạm phát (YoY)	5.6%	4.7%	4.5%	Lạm phát vẫn ở mức cao, nhưng tiếp tục có phần hạ nhiệt so với 4 tháng trước đó
Tỷ giá VCB USD/VND (MoM)	0.1%	0.3%	0.09%	Tỷ giá ít biến động nhiều tháng gần đây

Tăng trưởng xuất khẩu một số ngành hàng



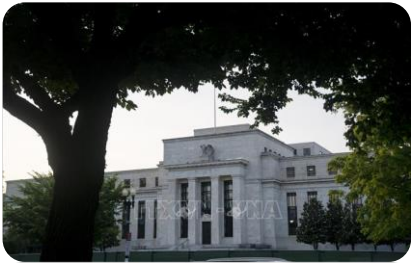
Diễn biến giá một số loại hàng hoá



ĐIỂM TIN

TIN NỔI BẬT

Lạm phát Mỹ cao hơn dự báo, gia tăng sức ép đối với quyết định lãi suất của Fed: Chỉ số chi tiêu tiêu dùng cá nhân (PCE) tháng 7 của Mỹ vừa công bố tăng 3,7% so với cùng kỳ năm trước, trong khi PCE lõi tăng 3,3%. Việc áp lực giá cả duy trì ở mức cao và vượt dự báo của giới phân tích cho thấy lạm phát vẫn cách khá xa mục tiêu 2% dài hạn của Fed. Diễn biến lạm phát dai dẳng đang gia tăng sức ép đáng kể lên Cục Dự trữ Liên bang Mỹ (Fed) trước hội nghị thường niên Jackson Hole và cuộc họp chính sách tháng 9. Dù phần lớn kỳ vọng Fed sẽ giữ nguyên mặt bằng lãi suất ở vùng 3,5%–3,75%, xác suất cơ quan này phải tiếp tục nâng thêm 25 điểm cơ bản đã tăng lên mức 40,1% để kiềm chế đà tăng giá. (Nguồn: stockbiz.vn)



TIN QUỐC TẾ

IMF cảnh báo nguy cơ tụt hậu về AI ở các nền kinh tế đang phát triển: Tổng giám đốc Quỹ Tiền tệ Quốc tế (IMF) Kristalina Georgieva vừa đưa ra cảnh báo về nguy cơ tụt hậu lớn đối với các quốc gia đang phát triển trong làn sóng trí tuệ nhân tạo (AI). Dù kinh tế toàn cầu đang hưởng lợi từ làn sóng đầu tư AI, thế giới vẫn đối mặt với các lực cản lớn như nợ công cao, lạm phát dai dẳng và cú sốc năng lượng. Sự bất đối xứng trong chuỗi giá trị công nghệ khiến khoảng cách phát triển giữa các nền kinh tế có nguy cơ bị nới rộng. Do đó, hội nghị thường niên sắp tới của IMF và WB tại Bangkok sẽ tập trung giải pháp nâng cao sức chống chịu và hỗ trợ các nước thu hẹp khoảng cách này. (Nguồn: vietstock.vn)

Niềm tin của người tiêu dùng Mỹ giảm xuống mức thấp nhất 7 tháng: Theo Conference Board, chỉ số niềm tin người tiêu dùng Mỹ tháng 8/2026 đã giảm xuống 89,4 điểm từ mức 90,2 điểm của tháng 7, chạm mức thấp nhất trong 7 tháng qua. Tâm lý người dân trở nên bi quan chủ yếu do căng thẳng xung đột tại Iran tiếp tục đẩy giá xăng leo thang vượt 4 USD/gallon, cùng áp lực dai dẳng từ giá thực phẩm và rủi ro thương mại. Dù đánh giá về thị trường lao động hiện tại có cải thiện nhẹ, kỳ vọng của người tiêu dùng trong 6 tháng tới lại suy giảm rõ rệt. Bức tranh việc làm chịu thêm sức ép khi số liệu tháng 7 ghi nhận các nhà tuyển dụng cắt giảm 23.000 việc làm và các tháng trước bị điều chỉnh giảm. (Nguồn: vietstock.vn)

TIN THỊ TRƯỜNG

Thị trường chứng khoán Mỹ ghi nhận một phiên giao dịch giằng co khi cả ba chỉ số chủ chốt đồng loạt đóng cửa trong sắc đỏ trước tâm lý thận trọng của giới đầu tư. Cụ thể, chỉ số Dow Jones chịu áp lực giảm mạnh nhất khi mất 113,52 điểm, tương đương 0,21%, lùi về mốc 53.463,88 điểm. Chỉ số S&P 500 biến động sát giá tham chiếu và giảm nhẹ 1,58 điểm, tương ứng 0,02%, chốt phiên ở mức 7.675,70 điểm. Trong khi đó, Nasdaq chịu áp lực điều chỉnh nhóm công nghệ, giảm 21,10 điểm, tức 0,08%, dừng tại 26.130,20 điểm. Sự thận trọng tại Phố Wall cho thấy xu hướng tích lũy và thăm dò chiếm ưu thế, tạo nên bức tranh trái chiều với đà tăng tại châu Á. (Nguồn: VIX tổng hợp)

Thị trường dầu mỏ thế giới duy trì xu hướng biến động giằng co quanh vùng giá cao do sự đan xen giữa rủi ro địa chính trị và triển vọng tiêu thụ toàn cầu. Hiện tại, giá dầu Brent dao động quanh mốc 86–87 USD/thùng, trong khi dầu WTI giao dịch sát vùng 82–85 USD/thùng. Áp lực nguồn cung thắt chặt cùng căng thẳng tại khu vực Trung Đông tiếp tục là bệ đỡ vững chắc, khiến cấu trúc thị trường duy trì trạng thái bù hoàn bán. Tuy nhiên, đã bắt phá vẫn bị kìm hãm bởi mối lo về tốc độ phục hồi kinh tế và mặt bằng lãi suất cao. Giới đầu tư nhìn chung đang giao dịch thận trọng, chờ đợi thêm báo cáo tồn kho và quyết định OPEC+.

Thị trường vàng thế giới duy trì xu hướng tích lũy quanh vùng đỉnh lịch sử khi giới đầu tư cân nhắc giữa rủi ro địa chính trị và định hướng lãi suất từ Fed. Giá vàng giao ngay dao động sát mốc 4.600 USD/ounce, chịu áp lực chốt lời ngắn hạn từ lực cản kỹ thuật nhưng vẫn được nâng đỡ bởi dòng tiền trú ẩn. Tại thị trường trong nước, giá vàng miếng SJC bám sát đà biến động quốc tế, giao dịch quanh ngưỡng 147,3 triệu đồng/lượng chiều mua vào và 150,3 triệu đồng/lượng chiều bán ra. Vàng nhẫn 9999 cũng neo ở mức cao kỷ lục, phản ánh nhu cầu tích trữ tài sản bền bỉ của người dân. Giới phân tích nhận định thị trường đang chờ tín hiệu kinh tế mới để bứt phá.

CHỈ SỐ	ĐIỂM	+/-	+/- (%)
Dow Jones	53463.88	-113.52	-0.21
S&P 500	7675.70	-1.58	-0.02
Nasdaq	26130.20	-21.10	-0.08
FTSE100	10878.12	-8.04	-0.07
Euro Stoxx 50	6475.05	19.42	0.30
DAX	26285.96	19.82	0.08
Nikkei 225	67084.50	1228.07	1.86
Shanghai	3912.52	23.08	0.59
KOSPI	6808.21	65.47	0.97

TIN TRONG NƯỚC

Quy mô gói cho vay ưu đãi lãi suất thấp đã lên tới hơn 400.000 tỷ: Theo chỉ đạo của Ngân hàng Nhà nước, 12 ngân hàng thương mại đã đồng loạt triển khai các gói tín dụng ưu đãi với tổng quy mô lên đến 408.000 tỷ đồng. Nguồn vốn này tập trung hỗ trợ các động lực tăng trưởng kinh tế và nhóm doanh nghiệp nhỏ và vừa. Trong đó, nhóm 4 ngân hàng quốc doanh đóng góp 220.000 tỷ đồng, dẫn đầu là Agribank với 70.000 tỷ đồng, cùng Vietcombank, BIDV và VietinBank mỗi bên 50.000 tỷ đồng. Ngoài ra, 8 ngân hàng thương mại cổ phần cũng cam kết khoảng 188.000 tỷ đồng. Mức lãi suất cho vay của các gói ưu đãi được giảm tối thiểu 1%/năm so với biểu lãi suất bình quân tương ứng của từng nhà băng. Động thái chủ động này giúp khơi thông dòng vốn, tiết giảm chi phí và đồng hành cùng doanh nghiệp.

Kinh tế Việt Nam trước bước chuyển mô hình tăng trưởng: Sau 4 thập niên Đổi Mới, nền kinh tế Việt Nam đang đứng trước bước chuyển mô hình tăng trưởng quan trọng khi GDP duy trì đà tăng 8,18% nửa đầu năm 2026. Nhằm bổ sung cho các động lực truyền thống từ FDI và xuất khẩu, Việt Nam đang đẩy mạnh làn sóng cải cách mới với trọng tâm tinh gọn bộ máy hành chính, hoàn thiện thể chế, mở rộng đầu tư hạ tầng và phát triển thị trường vốn. Theo đánh giá từ WB, IMF và OECD, đề hướng tới mục tiêu thu nhập cao vào năm 2045, động lực tăng trưởng cần dịch chuyển sang đổi mới sáng tạo, nâng cao năng suất và tăng cường liên kết sâu rộng giữa khối doanh nghiệp nội địa với các tập đoàn FDI.

TOÀN CẢNH THỊ TRƯỜNG

Danh mục theo dõi trung hạn

STT	Mã	Ngành	Chỉ số cơ bản				Chỉ số định giá				Giá thị trường (27/8/26)		
			% LNST	% LNST	Biên lợi	Biên lợi	ROE Chỉ số	ROA Chỉ số	Book	EPS	P/B	P/E	
			Q1/26 (YoY)	Q2/26 (YoY)	ròng Q1/26	ròng Q2/26	(TTM) Năm: 2025 (TTM)	(TTM) Năm: 2026 (TTM)	Value				
1	ACB	Ngân hàng	10.6%	-38.7%	51.1%	33.9%	17.6%	1.7%	18,401	3,042	1.23	7.4	22,550
2	ANV	Thủy sản	915.5%	4610.8%	14.2%	11.9%	31.6%	18.7%	13,226	3,748	1.32	4.6	17,400
3	BFC	Phân bón	14.0%	-29.9%	3.6%	2.8%	19.3%	8.6%	29,657	7,003	1.62	6.8	47,900
4	BID	Ngân hàng	16.7%	45.3%	28.8%	38.2%	18.8%	1.0%	24,726	4,342	1.49	8.5	36,900
5	BMP	VLXD	21.0%	13.2%	22.9%	20.3%	44.0%	37.4%	35,151	15,010	4.12	9.7	144,900
6	BSR	Dầu khí	175.1%	3739.7%	2.6%	8.1%	8.9%	6.0%	12,079	1,036	2.20	25.6	26,550
7	CTD	Xây dựng	217.2%	117.8%	4.0%	2.3%	8.6%	2.5%	90,563	7,540	0.70	8.4	63,000
8	CTG	Ngân hàng	63.9%	12.3%	37.8%	47.4%	21.1%	1.3%	23,129	4,488	1.38	7.1	31,900
9	CTR	Xây dựng	15.5%	8.8%	4.3%	4.1%	30.5%	7.8%	18,086	5,242	4.17	14.4	75,500
10	DCM	Phân bón	171.9%	16.6%	11.0%	10.3%	18.7%	11.7%	20,390	3,706	1.52	8.4	30,950
11	DGW	Bán lẻ	39.2%	10.3%	2.3%	2.0%	16.9%	5.5%	15,690	2,508	2.74	17.1	43,000
12	DHA	Khai thác đá	111.3%	146.3%	32.8%	18.4%	24.0%	21.7%	32,319	7,258	1.61	7.2	52,100
13	FOX	Viễn thông	26.2%	22.8%	18.4%	17.3%	31.2%	13.7%	15,202	4,719	4.20	13.5	63,900
14	FPT	Phần mềm	17.1%	19.5%	16.9%	14.8%	23.6%	11.7%	25,683	6,590	2.83	11.0	72,600
15	GAS	Dầu khí	1.3%	-32.4%	7.3%	3.2%	17.7%	13.0%	28,038	4,796	2.98	17.4	83,500
16	GEG	Điện	267.5%	676.3%	11.9%	16.3%	11.5%	4.6%	15,665	2,282	0.81	5.6	12,700
17	GMD	Dịch vụ	-3.6%	76.4%	27.7%	40.9%	11.7%	8.9%	34,842	5,162	2.28	15.38	79,400
18	HAG	Nông nghiệp	23.1%	345.5%	22.8%	50.7%	18.1%	8.6%	11,191	1,762	1.26	8.03	14,150
19	HDG	Bất động sản	85.0%	482.5%	47.2%	42.2%	9.0%	4.9%	22,644	2,570	0.73	6.44	16,550
20	HHV	Xây dựng	23.3%	58.1%	16.7%	16.7%	5.1%	1.5%	24,481	1,364	0.42	7.48	10,200
21	HPG	Thép	32.8%	38.4%	11.0%	8.4%	12.6%	6.4%	17,096	2,021	1.30	11.01	22,250
22	HT1	Xi măng	278.5%	413.6%	4.6%	4.3%	5.5%	3.5%	13,336	718	0.95	17.69	12,700
23	KBC	Bất động sản	54.8%	2477.5%	23.2%	40.3%	9.1%	3.8%	28,399	2,365	0.96	11.57	27,350
24	KDH	Bất động sản	692.5%	101.7%	47.9%	43.7%	5.2%	3.2%	18,865	1,456	0.97	12.54	18,250
25	LCG	Xây dựng	9.6%	130.2%	7.1%	4.7%	5.7%	2.2%	13,112	723	0.55	9.99	7,220
26	MCH	Thực phẩm	-18.9%	-11.1%	22.6%	22.7%	44.5%	21.6%	17,480	6,336	8.11	22.37	141,700
27	MML	Thực Phẩm	419.5%	79.6%	4.3%	6.3%	11.6%	5.0%	15,282	1,819	1.92	16.16	29,400
28	MSH	Hàng May mặc	54.2%	17.4%	12.2%	14.6%	28.7%	13.3%	19,626	5,962	1.56	5.13	30,600
29	MSN	Thực phẩm	43.4%	48.4%	8.8%	9.9%	9.6%	3.0%	29,647	4,448	2.35	15.69	69,800
30	MSR	Khai khoáng	101.5%	207.9%	0.3%	9.3%	0.1%	0.0%	11,076	10	4.02	4333.89	44,500
31	MWG	Bán lẻ	121.4%	144.9%	4.5%	4.9%	23.0%	9.1%	22,575	4,814	3.33	15.62	75,200
32	NAF	Nước trái cây	55.8%	26.3%	7.0%	7.6%	16.5%	6.7%	11,491	2,140	4.20	22.57	48,300
33	NLG	Bất động sản	679.5%	-62.1%	12.5%	29.6%	4.8%	2.5%	30,559	1,951	0.81	12.64	24,650
34	NT2	Điện	383.5%	641.4%	11.1%	21.9%	25.0%	12.6%	16,880	3,926	1.24	5.35	21,000
35	NTP	VLXD	49.9%	-6.3%	16.0%	10.8%	25.1%	14.8%	24,742	5,805	2.03	8.67	50,300
36	PLX	Dầu khí	441.0%	14.2%	0.8%	0.9%	9.2%	3.2%	22,781	2,305	1.60	15.77	36,350
37	POW	Điện	109.2%	585.3%	12.1%	7.9%	6.5%	2.8%	13,307	1,019	1.00	13.00	13,250
38	PVS	Dầu khí	73.3%	73.5%	3.5%	9.9%	11.8%	5.0%	31,694	3,722	1.24	10.53	39,200
39	QNS	Đường	-28.4%	-2.8%	14.2%	22.4%	18.6%	13.6%	28,956	5,231	1.63	9.00	47,100
40	SBT	Đường	-13.0%	-19.2%	3.7%	2.8%	6.7%	2.2%	13,938	866	1.63	26.27	22,750
41	SHB	Ngân hàng	49.8%	8.3%	40.7%	39.0%	19.1%	1.5%	14,800	2,605	0.81	4.61	12,000
42	SIP	Bất động sản	21.7%	6.3%	17.1%	17.4%	25.3%	5.0%	24,181	6,303	2.06	7.88	49,700
43	STB	Ngân hàng	31.8%	-176.5%	33.0%	-35.8%	10.3%	0.7%	31,756	3,150	2.37	23.93	75,400
44	TCB	Ngân hàng	14.2%	104.1%	46.4%	47.2%	15.4%	2.3%	25,331	3,663	1.34	9.27	33,950
45	TCM	Hàng May mặc	-21.4%	-24.2%	7.1%	5.4%	11.4%	6.7%	21,823	2,419	0.81	7.27	17,600
46	TRC	Cao su	60.4%	-68.8%	49.0%	15.2%	13.1%	11.5%	69,312	8,669	1.25	10.01	86,800
47	VCB	Ngân hàng	5.3%	0.7%	50.0%	45.0%	16.6%	1.6%	27,231	4,213	2.21	14.31	60,300
48	VGI	Hàng May mặc	56.0%	57.7%	7.1%	8.4%	9.1%	4.4%	20,090	2,666	0.58	4.35	11,600
49	VHC	Thủy sản	33.5%	-43.4%	13.1%	9.0%	14.4%	10.6%	44,495	6,465	1.18	8.11	52,400
50	VJC	Hàng không	-43.9%	43618.4%	1.9%	1.7%	10.1%	1.8%	42,005	3,589	3.01	35.24	126,500
51	VNM	Sản phẩm từ sữa	4.5%	31.7%	14.8%	16.6%	26.6%	17.4%	16,499	4,504	3.79	13.88	62,500
52	VPB	Ngân hàng	76.8%	61.1%	36.6%	36.2%	14.6%	2.2%	22,722	3,070	1.19	8.83	27,100
53	VTP	Vận tải	-20.2%	17.3%	1.7%	2.6%	24.1%	5.8%	14,519	3,348	3.71	16.07	53,800

TOÀN CẢNH THỊ TRƯỜNG

Cập nhật giá hàng hoá

Chỉ số	Giá	+/- 15 ngày	+/- 30 ngày	+/- Định 1 tháng	+/- Đáy 1 tháng
BTC	78690.08(+57)	+14,329	+15,019	-1,037	+15,876
Giá dầu WTI	82.23(-0)	+5	+3	-10	+7
Giá gas châu Âu	66.17(+2)	+8	+10	-2	+12
Giá vàng	4593.74(-64)	+354	+618	-64	+618
Giá đồng	6.6(-0)	-0	+0	-0	+0
Giá đường	17.62(+0)	+2	+3	-0	+3
Giá phân Ure	414(0)	+26	-10	-38	+31
Giá thép	3078(+14)	+67	-53	-53	+125
Giá quặng sắt (62%Fe)	95.58(+0)	+0	-3	-3	+2
Giá than	131.25(-0)	+3	+1	-3	+3
Giá đậu tương	1254.25(+26)	+97	+59	0	+107
Giá ngô	514(+14)	+75	+73	0	+77
Giá nhựa Polyvinyl	4456(-67)	-46	-137	-298	+9
Giá cước vận tải khô BDI	3056(+130)	-1	+216	-33	+424
Giá cước vận tải container (Drewry)	4526(0)	+229	-21	-21	+271
DXY	99.11(+0)	-1	-2	-2	+0
Giá cao su	235.3(-1)	+18	+17	-1	+24
Phốt pho vàng	28466.33(+237)	+904	+2,020	0	+2,020
Ure(Sunsir)	1715(-3)	-31	-55	-55	+13
H2SO4	1825(0)	-55	-288	-288	0
HRC(Sunsir)	3342(-20)	+112	+6	-20	+122
Iron Ore (Sunsir)	709.22(-0)	+18	-13	-16	+30
Cao su thiên nhiên (Sunsir)	17616.67(-92)	+725	+658	-92	+1,225
PVC(Sunsir)	4375(0)	-50	-113	-210	0
Rebar	3102.84(-3)	+84	+8	-3	+101
Cautic soda	639(0)	-2	-4	-4	0

Khuyến cáo sử dụng

Báo cáo phân tích được lập và phát hành bởi Công ty cổ phần Chứng khoán VIX ("VIX"). Báo cáo này không nhằm phát hành rộng rãi ra công chúng và chỉ mang tính chất cung cấp thông tin cho một số đối tượng nhất định, cũng như không được phép sao chép hoặc phân phối lại cho bất kỳ bên thứ ba nào khác. Tất cả những cá nhân, tổ chức nắm giữ báo cáo này đều phải tuân thủ những điều trên.

Báo cáo này không phải là một lời kêu gọi, đề nghị, mời chào mua hoặc bán bất kỳ mã chứng khoán nào. Các thông tin trong báo cáo nghiên cứu được chuẩn bị từ các thông tin công bố công khai, dữ liệu phát triển nội bộ và các nguồn khác được cho là đáng tin cậy, nhưng chưa được kiểm chứng độc lập bởi VIX và VIX sẽ không đại diện hoặc đảm bảo đối với tính chính xác, đúng đắn và đầy đủ của những thông tin này.

Toàn bộ những đánh giá, quan điểm và khuyến nghị đưa ra trong báo cáo có thể được thay đổi mà không báo trước. VIX không có nghĩa vụ phải cập nhật, sửa đổi hoặc bổ sung bản báo cáo cũng như không có nghĩa vụ thông báo cho tổ chức, cá nhân nhận được bản báo cáo này trong trường hợp các đánh giá, quan điểm hay khuyến nghị được đưa ra có sự thay đổi hoặc trở nên không còn chính xác.

Các mã chứng khoán trong bản báo cáo có thể không phù hợp với tất cả các nhà đầu tư, và nội dung của bản báo cáo không đề cập đến các nhu cầu đầu tư, mục tiêu và điều kiện tài chính của bất kỳ nhà đầu tư cụ thể nào. Trước khi thực hiện đầu tư bất kỳ mã chứng khoán nào nêu trong báo cáo này, nhà đầu tư nên liên hệ với những chuyên gia tư vấn đầu tư của họ để thảo luận về trường hợp cụ thể của mình.